

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **325/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 09 - 11 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 648/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/9/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Phi N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2020 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2014 chị N và anh L được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/7/2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 89/2019). Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh 07/7/2016 và Nguyễn Nhật A1, sinh 16/02/2018.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị N xác định do anh L đam mê cờ bạc chị N khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên

cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra anh L còn có hành vi đánh đập chị N, vợ chồng không sống chung với nhau hơn 03 tháng nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại và hiện nay không còn tình cảm với anh N.

Chị N yêu cầu ly hôn với anh L; về con chung chị N yêu cầu nuôi cháu Bảo A và cháu Nhật A1, yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật và phương thức cấp dưỡng 01 tháng cấp dưỡng 01 lần; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn Nguyễn Vũ L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L được xác lập trên tình thân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ và phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng chị N và anh L không làm được điều đó, mà anh L lại đam mê cờ bạc không quan tâm lo lắng gì đối với chị N và các con, làm cho mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập anh L 02 lần để hòa giải nhưng anh L đều không đến nên có căn cứ xác định anh L không còn quan tâm gì đối với mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N, do đó xác định chị N và anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng và anh L đã có hành vi bạo lực gia đình như đánh đập chị N, nếu tiếp tục duy trì về sau thì sẽ

không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 89/2019 ngày 15/7/2019 của UBND xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Anh L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và biết được các yêu cầu cụ thể của chị N, nhưng không có ý kiến phản đối gì. Chị N có yêu cầu được nuôi 02 con chung, Hội đồng xét thấy các cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Nhật A1 hiện nay còn nhỏ, thời gian chị N và anh L không sống chung với nhau thì chị N là người trực tiếp nuôi dạy các cháu và điều kiện sống của các cháu hiện nay được đảm bảo và chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên cần tiếp tục giao cháu Bảo A và Nhật A1 cho chị N nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N, nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị N yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, các con được giao cho chị N trực tiếp nuôi dạy, do đó cần buộc anh L cấp dưỡng cho cháu Bảo Anh và cháu Nhật Anh là phù hợp; đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng, xét thấy để đảm bảo về điều kiện tài chính nuôi dạy các con chung về sau, nên việc chị N yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ, do đó cần buộc anh L cấp dưỡng cho cháu Bảo A và cháu Nhật A1 mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N cho rằng tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị N và anh L. Do

đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phi N.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Phi N ly hôn với anh Nguyễn Vũ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 89/2019 ngày 15/7/2019 của UBND xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Bảo A, sinh 07/7/2016 và cháu Nguyễn Nhật A1, sinh 16/02/2018.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N, nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bảo A, sinh 07/7/2016 và cháu Nguyễn Nhật A1, sinh 16/02/2018 mỗi cháu với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 09/11/2020. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh L chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng anh L còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004247 ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đổi trừ. Anh L phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải